TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20-11-2020
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Sáu

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Kim Diễn

- Bà Trần Thị Tím

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Chế Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trầm Văn Mừng, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc "*Tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 79/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 12/11/2020 và Thông báo số 79 ngày 17/11/2020 về việc dời lại phiên tòa xét xử, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Kim Thị Bích P, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông Thạch L, sinh năm 1976. Nơi cư trú cuối cùng: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt);

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*: Luật sư Dương Minh Tâm, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: Văn phòng luật sư 79, ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/4/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Kim Thị Bích P trình bày: Về hôn nhân trước đây bà và chồng bà là ông Thạch L không có tìm hiểu trước mà chỉ quen biết nhau rồi cưới, được cha mẹ hai bên đồng ý tác hợp. Vợ chồng bà chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng đến ngày 08/6/2015

mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Sau khi chung sống thời gian đầu vợ chồng cũng vui vẽ. Nhưng sau đó cuộc sống gia đình có nhiều vấn đề phát sinh, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến trong cuộc sống hằng ngày không có được tiếng nói chung; vợ chồng thường xuyên cải vã, chồng bà chửi bới hành xử vũ lực. Bà cũng rất cố gắng vun đắp tình cảm nhằm tạo điều kiện hàn gắn với chồng mình để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Cuộc sống vợ chồng không còn mặn mà nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại, vợ chồng đã ly thân nhiều năm rồi và không còn ai quan tâm tới nhau. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Cú giải quyết cho bà ly hôn với ông Thạch L.

Về con chung: Tên Thạch K, sinh ngày 25/3/1999, từ trước đến nay sống chung với bà, con đã trưởng thành có cuộc sống riêng bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Có một căn nhà xây dựng kiên cố tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh vợ chồng bà tự thương lượng thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Dương Minh Tâm phát biểu ý kiến phân tích nguyên nhân tình trạng mâu thuẫn hôn nhân giữa bà P với ông L là trầm trọng không thể kéo dài được. Do ông L chỉ biết lo cho bản thân, bỏ mặt vợ con và gia đình, thường xuyên hành xử vũ lực làm cho đời sống vợ chồng không có hạnh phúc, vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ chồng mặc dù bà P rất cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Do ông L không muốn hàn gắn với bà P. Vị Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 51và 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho bà Kim Thị Bích P được ly hôn với ông Thạch L.

Bị đơn: Ông Thạch L từ khi Tòa án thụ lý vụ án, ông L đã đi làm thuê tại tỉnh Bình Dương ông cũng có về thăm gia đình và có biết được yêu cầu xin ly hôn của bà P nhưng ông đều vắng mặt. Tại biên bản xác minh lời khai ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú đối với ông Thạch T, sinh năm 1979, ấp K, xã T, huyện Trà Cú là anh ruột của bị đơn ông Thạch L, ông Thạch T đã nhận các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hop kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa của Tòa án, ông T có điện thoại cho ông L biết các nội dung các Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hợp công khai chứng cứ và hòa giải…, của Tòa án gửi cho ông L, ông L có ý kiến: *Do bận đi làm thuê không về dự phiên hòa giải được và ông L cũng không đồng ý ly hôn với bà Kim Thị Bích P.*

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm đều thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể:

Về thẩm quyền thực hiện đúng theo điểm a khoản1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; về quan hệ pháp luật tranh chấp thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều

28; về xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68. Ngoài ra, Thẩm phán, Thư ký còn thực hiện đúng các thủ tục về hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, về thu thập chứng cứ, cung cấp, tống đạt văn bản tố tụng; Về thời hạn gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; còn bị đơn được Tòa án Thông báo, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do cũng như trong quá trình công khai chứng cứ, hòa giải là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, xem như bị đơn đã từ bỏ quyền lợi của mình.

Việc Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà P tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt;

Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên tóm tắc nội dung, đánh giá toàn diện chứng cứ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Kim Thị Bích P được ly hôn với anh Thạch L.

Về án phí: Bà Kim Thị Bích P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng do nguyên đơn là người dân tộc khmer, sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí đề nghị miễn án phí cho nguyên đơn.

Về kiến nghị khắc phục vi phạm: Đề nghị Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Thẩm quyền giải quyết*: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nguyên đơn bà Kim Thị Bích P địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Bị đơn ông Thạch L có nơi cư trú ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật*: Bà Kim Thị Bích P và ông Thạch L xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/6/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của bà P và ông L là hợp pháp.

[3] *Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn*: Bà Kim Thị Bích P và ông Thạch L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1998 đến ngày 08/6/2015 mới đăng ký kết hôn; quá trình chung sống với nhau bà P và ông L có một người con chung tên Thạch K, sinh năm 1999 đã trưởng thành. Đến nay thì hạnh phúc vợ chồng đã phát sinh mâu thuẩn và sống ly thân, bà P có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không có kết quả. Bị đơn ông Thạch L cũng biết được yêu cầu xin ly hôn của bà P nhưng ông không về để tham gia tố tụng tại Tòa án, mà chỉ có ý kiến (bằng điện thoại) thông qua ông Thạch T (anh ruột) cho biết: Ông L không đồng ý ly hôn với bà P.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng tại phiên Tòa hôm nay bà Kim Thị Bích P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông Thạch L, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẩn vợ chồng giữa bà P và ông L đã thật sự trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn đạt được. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài mà không hàn gắn được. Quá trình giải vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trà Cú có tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng cho anh của ông L nhận thay và cam kết chuyển đến cho ông L biết nhưng ông L vẫn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án biết yêu cầu của mình nên căn cứ vào các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn cũng là phù hợp pháp quy định.

[4] *Về con chung*: Bà P và ông L có một con chung tên Thạch K, sinh ngày 25/3/1999 đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung bà P khai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét; về nợ chung không có, không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị là có cơ sở phù hợp với pháp luật quy định nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với ông Thạch L.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà Kim Thị Bích P phải chịu án hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng do bà là người dân tộc khmer, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (đương sự có đơn xin miễn án phí) nên được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Kim Thị Bích P được ly hôn với ông Thạch L. Về con chung tên Thạch K, sinh ngày 25/3/1999 đã trưởng thành nên không giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không giải quyết. Về nợ chung: không có nên không giải quyết.

3. Về án phí: Bà Kim Thị Bích P được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

4. Quyền kháng cáo: Bà Kim Thị Bích P và ông Thạch L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Văn Sáu